

Số: 32/2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 14 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2021, giữa: anh Quàng Văn P; Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La và chị Hoàng Thị L; Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Quàng Văn P và chị Hoàng Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Quàng Tuấn A, sinh ngày 12/6/2015 cho anh Quàng Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Quàng Tuấn A mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu Quàng Tuấn A trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận: Anh Quảng Văn P tự nguyện nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) (trong đó, 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) là án phí ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) là án phí cấp dưỡng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0000053 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Quảng Văn Thủy